PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN DÂN TỘC - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - BỘ TÀI CHÍNH - BỘ XÂY DỰNG

ỦY BAN DÂN TỘC - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - BỘ TÀI CHÍNH - BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2013/TTLT-UBDT-NNPTNT-KHĐT-TC-XD	*Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2013*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 29/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015 và các Quyết định ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135).

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã biên giới, xã an toàn khu (sau đây gọi là xã) và các thôn, bản, buôn, làng, xóm, ấp ĐBKK (sau đây gọi là thôn).

Điều 2. Nguyên tắc

1. Chương trình 135 được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn: ngân sách trung ương (NSTƯ), ngân sách địa phương (NSĐP), huy động đóng góp từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là UBND cấp tỉnh) có trách nhiệm huy động nguồn lực và lồng ghép các chương trình, dự án để tổ chức thực hiện trên địa bàn.

2. NSTƯ hỗ trợ cho các tỉnh theo tổng mức đầu tư hỗ trợ hàng năm của Chương trình 135, trên cơ sở định mức vốn bình quân của xã, thôn. UBND cấp tỉnh quyết định tiêu chí phân bổ vốn cho các xã, thôn thuộc Chương trình 135 theo mức độ khó khăn (hệ số K) và phân bổ vốn cho các huyện theo tiêu chí UBND huyện giao kế hoạch chi tiết cho các xã.

3. Đối với các xã, thôn ĐBKK thực hiện nhiệm vụ của Chương trình 135 từ ngân sách địa phương, UBND cấp tỉnh bố trí vốn để thực hiện đảm bảo tối thiểu bằng định mức vốn đầu tư của NSTƯ.

4. Thực hiện Chương trình 135 phải công khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy mạnh mẽ sự tham gia của người dân. UBND cấp xã thông báo công khai, minh bạch về đối tượng thụ hưởng, mức vốn kế hoạch, quyết toán kinh phí từng năm và cả giai đoạn của Chương trình. Việc lập kế hoạch thực hiện hàng năm và cả giai đoạn phải tổ chức lấy ý kiến của nhân dân. UBND cấp xã, tổng hợp, thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp (ở những nơi có tổ chức Hội đồng nhân dân), trình UBND cấp huyện phê duyệt.

5. Kế hoạch thực hiện Chương trình 135 phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn với tiêu chí nông thôn mới và phải có ý kiến thống nhất của cơ quan thường trực Chương trình 135 cấp tỉnh; thực hiện theo diện rộng ở tất cả các xã, thôn bản ĐBKK, đồng thời tập trung ưu tiên nguồn lực chỉ đạo điểm ở một số xã, thôn, bản để rút kinh nghiệm nhân rộng, Các công trình dự án được bố trí vốn phải hoàn thành dứt điểm, thời gian thực hiện tập trung trong một năm, tối đa không quá hai năm.

6. Tăng cường phân cấp cho UBND cấp xã quản lý công trình, dự án của Chương trình 135, UBND cấp tỉnh và cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn và bố trí cán bộ giúp đỡ để UBND xã trực tiếp quản lý.

7. Hàng năm UBND cấp tỉnh tổ chức rà soát các xã, thôn ĐBKK gửi Ủy ban Dân tộc để thẩm tra, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Các dự án của Chương trình 135

Chương trình 135 bao gồm: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng.

Điều 4. Cơ chế thực hiện

1. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Đối tượng:

- Hộ nghèo, cận nghèo: theo quy định hiện hành.

- Nhóm hộ: phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Được lựa chọn công khai, dân chủ từ thôn trên cơ sở tự nguyện, gồm những hộ nghèo, cận nghèo và những hộ khác có uy tín đang sinh sống trên cùng địa bàn, có kinh nghiệm trong sản xuất, có khả năng hướng dẫn, giúp đỡ hộ nghèo, cận nghèo trong nhóm vươn lên thoát nghèo. Nhóm hộ có 1 trưởng nhóm do các hộ bầu ra để quản lý điều hành các hoạt động của nhóm (ưu tiên phụ nữ làm trưởng nhóm);

+ Có cam kết và quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ để thực hiện kế hoạch, dự án sản xuất đã được xác định và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nhằm tăng thu nhập, tạo việc làm cho các thành viên. Việc thành lập nhóm hộ do UBND xã quyết định; trong nhóm số lượng hộ không phải là hộ nghèo không quá 20% tổng số hộ của nhóm và phải có sự thống nhất của đa số hộ nghèo, cận nghèo. Nhóm hộ tự xây dựng nội quy hoạt động, được trưởng thôn đồng thuận và Chủ tịch UBND xã phê duyệt.

b) Chủ đầu tư: UBND xã là chủ đầu tư dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

c) Nội dung hỗ trợ đầu tư:

Căn cứ quy hoạch phát triển nông thôn mới, định hướng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nhu cầu của người dân, các địa phương lựa chọn nội dung phù hợp, thiết thực gắn với thị trường, có tính bền vững về thu nhập và an ninh lương thực để thực hiện xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; không nhất thiết phải đầu tư thực hiện tất cả các nội dung ở cùng một địa bàn để tập trung nguồn vốn, tránh dàn trải. Nội dung thực hiện cụ thể như sau:

- Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công giúp người dân nâng cao kiến thức phát triển kinh tế hộ gia đình, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiếp cận tín dụng, thông tin thị trường, sử dụng đất đai có hiệu quả.

- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng, có giá trị cao trên thị trường theo nguyện vọng của người dân và phù hợp với điều kiện của địa phương; hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm; hỗ trợ vật tư phục vụ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất; hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với bảo quản, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ tạo điều kiện cho người dân tham quan học tập nhân rộng mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả.

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý phát triển sản xuất, cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư về dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm; giúp hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận các dịch vụ, kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao nhận thức và vận dụng vào kế hoạch sản xuất của hộ, nhóm hộ đã được xác định để phát triển sản xuất trên địa bàn xã.

- Vốn để thực hiện các nội dung trên phải được lồng ghép từ các nguồn vốn: vốn Chương trình 135, vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đặc biệt khó khăn, vốn tự có, vốn huy động từ các nguồn khác để tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất có hiệu quả.

d) Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư sản xuất:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn UBND huyện xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm phù hợp với quy hoạch nông thôn mới, định hướng phát triển sản xuất trên địa bàn trình UBND tỉnh.

- UBND xã:

+ Chỉ đạo Trưởng thôn hoặc liên thôn tổ chức họp dân thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ cho thôn của Chương trình 135, các nguồn vốn được vay theo chính sách hiện hành, vốn huy động khác; thông tin thị trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã để người dân thảo luận, lựa chọn. Trưởng thôn tổng hợp, báo cáo nội dung đã được xác định với chủ đầu tư;

+ Lập kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn trình UBND huyện.

- UBND huyện: Tổng hợp kế hoạch hàng năm, kế hoạch cả giai đoạn của các xã (đã được cơ quan thẩm quyền thẩm định) báo cáo UBND tỉnh.

- UBND tỉnh: Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, nguồn vốn Trung ương giao và nguồn vốn địa phương, phân bổ vốn cho các đơn vị thực hiện.

đ) Tổ chức thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tham mưu giúp UBND tỉnh hướng dẫn chỉ đạo thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chỉ đạo điểm ở một số xã, thôn bản để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

- UBND huyện có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra UBND xã tổ chức thực hiện dự án.

2. Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

a) Công trình đầu tư tại xã, thôn:

- Công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nâng cấp, kể cả sửa chữa, nâng cấp công trình cũ đầu tư bằng nguồn vốn khác được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các công trình đầu tư có sử dụng trên 50% nguồn vốn từ Chương trình 135 phải gắn biển ghi tên công trình thuộc Chương trình 135 và các thông tin cơ bản của đơn vị chủ đầu tư, đơn vị thi công, tổng vốn đầu tư, thời gian khởi công và hoàn thành.

b) Cấp quyết định đầu tư:

UBND huyện là cấp quyết định đầu tư các công trình hạ tầng thuộc Chương trình 135.

c) Kế hoạch đầu tư:

- Quý II hàng năm, UBND xã căn cứ danh mục các công trình được đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và danh mục công trình trong kế hoạch tổng thể, thông báo và tổ chức lấy ý kiến tham gia của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội để rà soát danh mục, địa điểm, mức vốn (vốn NSTƯ, NSĐP, huy động), quy mô công trình; sắp xếp thứ tự ưu tiên, xác định công trình cụ thể vào kế hoạch thực hiện năm sau, tổng hợp thông qua thường trực Hội đồng nhân dân xã (nơi có tổ chức Hội đồng nhân dân), trình UBND huyện phê duyệt.

- Căn cứ danh mục công trình đã được UBND huyện phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, kèm theo kế hoạch đấu thầu trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

d) Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (KT-KT):

+ Kinh phí lập Báo cáo KT-KT được bố trí trong kế hoạch năm từ nguồn kinh phí đầu tư cho dự án thuộc Chương trình 135;

+ Công trình thuộc dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn thuộc Chương trình 135 có thời gian thực hiện không quá 2 năm hoặc có giá trị công trình dưới 3 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) chỉ cần lập báo cáo KT-KT; đối với công trình có mức vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) hoặc có yêu cầu kỹ thuật cao (do chủ đầu tư quyết định), chủ đầu tư phải lập báo cáo KT-KT và phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý chuyên ngành;

+ Trong quá trình lập Báo cáo KT-KT các công trình cơ sở hạ tầng, chủ đầu tư (trong trường hợp tự lập hoặc thuê đơn vị tư vấn) phải lấy ý kiến của cộng đồng (những người hưởng lợi trực tiếp và có trách nhiệm đóng góp xây dựng công trình) về các nội dung đầu tư và cơ chế huy động nguồn lực đầu tư thực hiện dự án;

+ Báo cáo KT-KT xây dựng công trình và Kế hoạch đấu thầu do chủ đầu tư tự lập hoặc lựa chọn tổ chức, đơn vị có đủ năng lực thực hiện;

+ Quản lý chi phí đầu tư công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Xây dựng.

- Thẩm định, phê duyệt báo cáo KT-KT:

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo KT-KT đầu tư xây dựng công trình;

+ Đối với công trình do huyện làm chủ đầu tư, UBND huyện giao cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định báo cáo KT-KT;

+ Đối với những công trình do xã làm chủ đầu tư: UBND huyện có trách nhiệm thẩm định báo cáo KT-KT trước khi phê duyệt;

+ Thời gian thẩm định báo cáo KT-KT: không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các công trình do huyện làm chủ đầu tư; không quá 07 ngày làm việc đối với các công trình do xã làm chủ đầu tư;

+ Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo KT-KT:

Tờ trình xin phê duyệt của chủ đầu tư, gồm các nội dung: Tên dự án, chủ đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô và địa điểm xây dựng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phương án huy động vốn đầu tư, thời gian khởi công và hoàn thành, các nội dung khác (nếu thấy cần giải trình); thuyết minh báo cáo KT-KT, bản vẽ thiết kế thi công, dự toán và kế hoạch đấu thầu; các văn bản pháp lý có liên quan.

+ Nội dung thẩm định báo cáo KT-KT, gồm:

Sự phù hợp của công trình với quy hoạch phát triển nông thôn mới, phù hợp với kế hoạch tổng thể chung phát triển cơ sở hạ tầng của xã;

Tính khả thi về kỹ thuật, khả năng giải phóng mặt bằng, khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ dự án, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến dự án;

Xem xét tính hợp lý của chi phí công trình (so sánh với giá cả của địa phương, so sánh với các công trình, dự án tương tự).

đ) Thực hiện đầu tư xây dựng công trình:

- Lựa chọn nhà thầu xây dựng thực hiện theo 3 hình thức sau:

+ Giao cộng đồng dân cư (những người hưởng lợi trực tiếp từ công trình) tự thực hiện xây dựng;

+ Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân (ưu tiên trong xã) đủ năng lực để thực hiện;

+ Lựa chọn nhà thầu thông qua các hình thức đấu thầu;

Quy định cụ thể về quy trình, hình thức chọn nhà thầu, đấu thầu và hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành.

- Các trường hợp được phép chỉ định thầu;

+ Gói thầu có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ đồng;

+ Gói thầu thực hiện cấp bách để khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ;

+ Gói thầu đã tổ chức đấu thầu nhưng chỉ có một nhà thầu tham gia;

+ Gói thầu thực hiện bằng hình thức khoán gọn theo đơn vị sản phẩm (ví dụ như: triệu đồng/km, m^2) nhằm huy động sức lao động của dân, do dân tự tổ chức thực hiện, Ngân sách Nhà nước hỗ trợ dưới 70% số vốn đầu tư, có báo cáo KT-KT đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Các trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng:

Chủ tịch UBND huyện phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu theo đề nghị của chủ đầu tư.

e) Giám sát hoạt động xây dựng.

- Giám sát của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát thi công, trách nhiệm giám sát của chủ đầu tư thực hiện theo Điều 24 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Giám sát cộng đồng: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 14/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát đầu tư cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTƯMTTQVN-TC

ngày 04/12/2006 của Bộ kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng. Kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTƯMTTQVN-TC ngày 04/12/2006.

Những công trình đầu tư có quy mô nhỏ (có giá trị dưới 500 triệu đồng), thiết kế kỹ thuật đơn giản mà chủ đầu tư giao cho ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình; ban giám sát đầu tư của cộng đồng được hưởng định mức chi phí giám sát thi công xây dựng công trình, tối đa không vượt định mức giám sát thi công xây dựng công trình do UBND cấp tỉnh quy định; trường hợp UBND cấp tỉnh chưa quy định định mức giám sát thi công công trình xây dựng thì được áp dụng định mức do Bộ Xây dựng công bố.

g) Nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác công trình:

Nghiệm thu, bàn giao công trình: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành; thành phần tham gia nghiệm thu gồm:

+ Đại diện chủ đầu tư;

+ Đại diện tổ chức tư vấn lập báo cáo KT-KT;

+ Đại diện tổ chức, đơn vị thi công;

+ Đại diện giám sát của chủ đầu tư, đại diện giám sát cộng đồng;

+ Đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình;

+ Đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình.

Tùy từng trường hợp cụ thể, chủ đầu tư có thể mời thêm thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

- Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư bàn giao công trình cho UBND xã để giao cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng (cử đại diện bàn giao tay ba: Đại diện chủ đầu tư - Bên thi công - Tổ chức, cá nhân hưởng lợi) và bàn giao ít nhất 01 bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho UBND xã; thông báo công khai giá trị công trình được quyết toán tới người dân.

h) Duy tu, bảo dưỡng công trình:

Những công trình hạ tầng có tính chất sử dụng cho khu vực liên xã, không do UBND xã quản lý thì việc duy tu bảo dưỡng do các đơn vị được giao quản lý thực hiện từ nguồn kinh phí duy tu bảo dưỡng hàng năm.

- Những công trình và hạng mục công trình phục vụ kinh doanh dịch vụ hoặc phục vụ lợi ích cho hộ và nhóm hộ do người sử dụng quản lý, tự duy tu bảo dưỡng.

- Những công trình hạ tầng phục vụ lợi ích chung trong phạm vi xã, thôn (kể cả những công trình hạ tầng được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc Chương

trình 135) do cấp có thẩm quyền giao cho UBND xã quản lý được sử dụng vốn hỗ trợ duy tu bảo dưỡng của Chương trình 135 và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện.

Hàng năm, UBND xã lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng các công trình do xã quản lý, sử dụng, trình UBND huyện phê duyệt. Vốn duy tu bảo dưỡng được giao thành 1 khoản riêng trong ngân sách của xã. UBND xã là chủ đầu tư nguồn vốn duy tu bảo dưỡng của xã, trên cơ sở vốn được phân bổ, giao cho Ban quản lý dự án xã (nếu có) hoặc thôn có công trình duy tu bảo dưỡng lập dự toán chi tiết các nguồn vốn: hỗ trợ của ngân sách nhà nước, huy động, vật tư, lao động trong cộng đồng trình chủ đầu tư phê duyệt. Giá cả vật tư, lao động được tính theo mặt bằng giá tại khu vực xã do chủ đầu tư quyết định. Tùy theo tính chất công việc, trưởng thôn tổ chức nhân dân trong thôn tự duy tu bảo dưỡng hoặc thành lập tổ, nhóm duy tu bảo dưỡng. Chủ đầu tư ký hợp đồng và tổ chức nghiệm thu, thanh toán với đại diện tổ nhóm thực hiện có xác nhận của trưởng thôn.

Trên cơ sở các quy định hiện hành về quản lý xây dựng cơ bản của Nhà nước ban hành và Thông tư liên tịch này, UBND tỉnh có văn bản hướng dẫn thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng.

i) Tổ chức quản lý dự án, công trình:

- Công trình đầu tư có tính liên hoàn, sử dụng trên phạm vi liên xã hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao giao cấp huyện làm chủ đầu tư.

- Công trình do một xã quản lý sử dụng, giao cho cấp xã làm chủ đầu tư. UBND xã quyết định thành lập Ban Quản lý dự án. Ban Quản lý dự án có tư cách pháp nhân, được phép mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện và sử dụng con dấu của UBND xã để giao dịch. Thành phần Ban Quản lý dự án gồm: Trưởng ban là Chủ tịch UBND xã (hoặc Phó Chủ tịch UBND xã) làm việc kiêm nhiệm; kế toán; các thành viên khác gồm một số cán bộ đại diện các ban, ngành trong xã, trưởng thôn, một số hộ đại diện cho cộng đồng dân cư trong xã (do cộng đồng dân cư đề cử).

- Trường hợp xã khó khăn trong việc làm chủ đầu tư, UBND huyện có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn giúp xã hoặc tham gia Ban quản lý dự án cấp xã để xã có đủ năng lực làm chủ đầu tư.

- Nhiệm vụ của chủ đầu tư và ban quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 5. Tổng hợp, giao và sử dụng nguồn vốn đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Chương trình 135 được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ:

- NSTƯ đầu tư trực tiếp cho Chương trình 135.

- NSĐP đầu tư trực tiếp cho Chương trình 135.

- Nguồn vốn huy động đóng góp từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; không huy động đóng góp bằng tiền mặt đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Tổng hợp, phân bổ, quản lý nguồn vốn các dự án:

Việc lập, phân bổ, quyết định giao dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí Chương trình 135 thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3. Sử dụng nguồn vốn:

- Nguồn vốn được sử dụng chi hỗ trợ cho các dự án theo các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và duy tu, bảo dưỡng công trình.

- Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác mua của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình 135, giá cả phải phù hợp mặt bằng giá cả chung trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận.

- Những địa phương có công trình, dự án đã triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Chương trình 135 giai đoạn II, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản ĐBKK thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 trước khi có hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này được sử dụng vốn của Chương trình 135 từ nguồn vốn Trung ương và địa phương giao theo kế hoạch hàng năm để bố trí tiếp cho các công trình hoàn thành đã quyết toán, hoàn thành chưa quyết toán và thi công dở dang trên địa bàn các xã, thôn tiếp tục thực hiện Chương trình 135.

- Kinh phí quản lý Chương trình 135 ở các cấp địa phương được đảm bảo từ NSĐP và các nguồn vốn hợp pháp khác dùng để hỗ trợ chi cho các hoạt động: kiểm tra giám sát, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình 135, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, tập huấn của tỉnh, huyện và Trung ương, thiết bị văn phòng cho các hoạt động của cơ quan thường trực. Mức kinh phí quản lý đảm bảo từ NSĐP hàng năm tương ứng không quá 0,5% tổng kinh phí NSTƯ hỗ trợ cho từng tỉnh để thực hiện Chương trình 135, nhưng tối thiểu 50 triệu đồng/năm, tối đa 500 triệu đồng/năm. UBND tỉnh phân bổ cụ thể cho cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, chỉ đạo thực hiện.

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình 135 từ ngân sách đều phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước.

Chương III
KIỂM TRA, GIÁM SÁT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo

1. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- UBND tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về chất lượng, tiến độ, hiệu quả Chương trình 135 trên địa bàn. Căn cứ mục tiêu của Chương trình 135 và điều kiện thực tế của tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo các huyện xây dựng các chỉ tiêu đạt được theo tiến độ từng năm, từng giai đoạn và kết thúc Chương trình, làm cơ sở đánh giá kết quả Chương trình 135.

- Cơ quan thường trực Chương trình 135 tỉnh chủ trì đề xuất kế hoạch, nội dung kiểm tra, giúp UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND huyện tổ chức kiểm tra định kỳ, tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá về Ủy ban Dân tộc.

- UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND huyện tạo điều kiện để HĐND các cấp địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng (cử đại diện) tham gia và phối hợp giám sát thực hiện Chương trình 135.

- Ủy ban Dân tộc:

+ Chủ trì phối hợp các bộ, ngành liên quan đề xuất kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình 135 hàng năm, giữa kỳ và khi kết thúc Chương trình 135;

+ Phối hợp với Kiểm toán Nhà nước xây dựng kế hoạch kiểm toán thực hiện chương trình hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Chế độ báo cáo

- Ủy ban Dân tộc sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung và chế độ báo cáo.

- Ủy ban Dân tộc tổng hợp gửi báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về Giảm nghèo bền vững theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Thông tư liên tịch này và theo chức năng nhiệm vụ, các cơ quan Trung ương có liên quan hướng dẫn, cụ thể hóa những nội dung cần thiết.

2. Xử lý những vấn đề chuyển tiếp: đảm bảo nguyên tắc khi thực hiện theo Thông tư liên tịch này không làm gián đoạn hoặc chậm tiến độ thực hiện Chương trình 135, cụ thể như sau:

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng: những dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo KT-KT, lựa chọn nhà thầu xây dựng trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực được thực hiện theo các hướng dẫn phù hợp tại thời điểm phê duyệt;

- Trong quá trình thực hiện, nếu có những văn bản áp dụng thực hiện được trích dẫn cụ thể tại Thông tư liên tịch này được cấp có thẩm quyền quyết định thay thế, sửa đổi, bổ sung thì được áp dụng theo những nội dung thay thế, sửa đổi, bổ sung tương ứng của văn bản đó.

3. UBND tỉnh cụ thể hóa, hướng dẫn cho phù hợp với điều kiện đặc điểm của địa phương.

4. UBND tỉnh giao cho đơn vị làm công tác Dân tộc của tỉnh là Cơ quan thường trực Chương trình 135.

Cơ quan thường trực Chương trình 135 chủ trì phối hợp các Sở, ngành tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý Chương trình 135 và có nhiệm vụ:

- Thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, hướng dẫn các huyện lập kế hoạch đầu tư dài hạn và hàng năm, tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện dài hạn và hàng năm trên địa bàn, báo cáo UBND tỉnh.

- Tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện các dự án thuộc Chương trình 135 các huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để thực hiện lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn.

- Trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất trình UBND tỉnh ban hành hướng dẫn phù hợp với điều kiện ở địa phương.

- Chủ trì giúp UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo theo quy định của tỉnh và Ủy ban Dân tộc.

- Thực hiện một số nội dung của Chương trình 135 theo nhiệm vụ UBND tỉnh giao.

5. UBND huyện giao Phòng Dân tộc (nơi có Phòng Dân tộc) hoặc cơ quan chuyên môn phù hợp làm Cơ quan thường trực Chương trình 135 của huyện. Cơ quan thường trực có trách nhiệm tham mưu giúp UBND huyện quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện và tổng hợp báo cáo.

6. Các ngành, các cấp trên cơ sở chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện đúng những quy định tại Thông tư liên tịch này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2014.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Căn cứ Thông tư liên tịch này, các cơ quan Trung ương và Địa phương có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những nội dung của văn bản hoặc văn bản có liên quan đã ban hành nhưng không còn phù hợp với Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề vướng mắc hoặc có nội dung mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phản ánh với liên Bộ: Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng để xem xét hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ NÔNG NGHIỆP** **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** **THỨ TRƯỞNG** **Trần Thanh Nam**	**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM** **ỦY BAN DÂN TỘC** **THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM** **Sơn Phước Hoan**

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** **THỨ TRƯỞNG** **Đào Quang Thu**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG** **Nguyễn Công Nghiệp**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ XÂY DỰNG** **THỨ TRƯỞNG** **Trần Văn Sơn**